TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1982. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1977. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 03/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống mấy năm đầu, anh T cũng lo làm ăn nhưng về sau anh T không lo làm ăn; ngày nào anh cũng nhậu, về

nhà dùng dao đòi giết vợ con và đập phá nhà cửa. Nay chị không thể chịu đựng được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 08/5/2014. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh T cư trú tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị L yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về *"ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 03/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị L trình bày là anh T không lo làm ăn; ngày nào anh cũng nhậu, về nhà dùng dao đòi giết vợ con và đập phá nhà cửa. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: chị L yêu cầu được nuôi con. Tại bản tự khai ngày 20/7/2022, cháu H có nguyện vọng được ở với chị L. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về con chung và yêu cầu nuôi con của chị L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu L về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 08/5/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004730 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26 - 9 - 2022), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (Giấy CNKH số 14 ngày 03/3/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ